

Số: 71/2018/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Châu, ngày 19 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 127/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp TS, xã HĐ, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp TS, xã HĐ, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Phạm Văn K đều thừa nhận quan hệ sống chung của họ không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Chí K (nam), sinh ngày 22/7/2003 và cháu Phạm Sĩ Kh (nam), sinh ngày 13/5/2005 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu Chí K và cháu Sĩ Kh; Đối với cháu Phạm Chân K (nam), sinh ngày 19/4/1997 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị Mỹ N nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng chị Nguyễn Thị Mỹ N tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000877 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, như vậy chị N được nhận lại số tiền còn dư là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã HĐ, thị xã C;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Đua